

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 - 8 - 2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Bích Huệ

Ông Lý Trung Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lý Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn S, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, bản tự khai ngày 29/5/2024, nguyên đơn là chị Đặng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn S kết hôn ngày 05/6/2023, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có tình hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ đẻ anh anh S tại thôn K, xã M, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống với nhau được một tháng thì xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng giải quyết được, từ tháng 8/2023 vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn lớn hơn, nguyên nhân do anh S mãi chơi không chịu tu chí làm ăn, thường

xuyên đi chơi sau đó về nhà chủ động gây sự chửi mắng súc phạm, đe dọa đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được mẹ chồng và bố mẹ đẻ chị khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi, chị không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên tháng 3/2024 chị cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái sinh sống. Sau đó anh S có một, hai lần đến đón chị cùng với con nhưng chị cho rằng anh S không thay đổi, người nhà anh S không có ý kiến gì nên chị không quay về và cũng từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị D và anh S có một người con chung là Đặng Thành K sinh ngày 08/6/2023, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

\* Tại bản tự khai ngày 15/8/2024, bị đơn là anh Đặng Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã P huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh S tại thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, cho đến tháng 3/2024 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, chị D muốn về nhà ngoại nhưng do đường xá đi lại khó khăn nên anh S không đưa chị D và con về nhà ngoại được, do không kiếm chế được bản thân nên vợ chồng xảy ra xô sát. Kể từ đó chị D về bên ngoại ở xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái sinh sống cho đến nay. Việc vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do anh S và chị D tính tình không hợp nhau trong đời sống vợ chồng. Nay anh S xác định vẫn còn tình cảm với chị D và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị D vẫn kiên quyết ly hôn không thay đổi ý kiến thì anh S theo ý kiến của chị D giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh S và chị D có một người con chung là Đặng Thành K sinh ngày 08/6/2023, nếu chị D kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh S nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị D xử cho chị D được ly hôn với anh Đặng Văn S, giao cháu K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; về xác định tư cách của những

người tham gia tố tụng; việc tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng; về thời hạn chuẩn bị xét xử; việc chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn, chị Đặng Thị D đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đối với bị đơn, anh Đặng Văn S đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã có bản tự khai và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Đặng Văn S; giao người con là Đặng Thành K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng; về tài sản do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, anh S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con đối với anh Đặng Văn S. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Anh S đăng ký thường trú tại thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S không có mặt để tham gia các phiên họp nên không tiến hành hòa giải được, đồng thời chị D đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải nữa, nên Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị D, anh S đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt chị D, anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Đặng Văn S kết hôn ngày 05/6/2023 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tại thời điểm kết hôn, chị D, anh S đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị D, anh S về sinh sống cùng gia đình anh S tại thôn K, xã M, huyện V. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tháng 3 năm 2024 chị D cùng với người con chung của vợ chồng bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn G, xã P, huyện V sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S, còn anh S xác định tình cảm đối với chị D vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị D kiên quyết ly hôn thì anh S cũng đồng ý theo ý kiến của chị D. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa án để giải quyết việc chị D xin ly hôn và hòa giải nhưng anh S không đến Tòa án, như vậy anh S không quan tâm đến việc vợ chồng đoàn tụ hay ly hôn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D đối với anh S. Xử cho chị D được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị D và anh S có một người con chung là Đặng Thành K sinh ngày 08 tháng 6 năm 2023 hiện đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn, chị D, anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị D, anh S đều chính đáng, nhưng do cháu K còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cháu K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, xét yêu cầu này của chị D là phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng của anh S, nên cần buộc anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D, anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh S phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Đặng Văn S.

2. Về con chung:

Giao người con là Đặng Thành K sinh ngày 08 tháng 6 năm 2023 cho chị Đặng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Đặng Văn S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0000031 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xác nhận chị D đã nộp đủ án phí; anh Đặng Văn S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị D, anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã P, huyện V;
- Các đương sự (Chị D, anh S);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**Trần Việt Hà**